







TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	47,043,914,000	1,710,459,000	-	427,135,000	1,283,324,000	-	45,333,455,000	-	
<b>3.1</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện K cơ sở I, II</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28,984,000	28,984,000	-	-	28,984,000	-	-	-	
<b>3.2</b>	<b>Đầu tư mua sắm trang thiết bị và cải tạo sửa chữa nâng cấp Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	45,516,503,859	368,503,859	-	-	-	-	45,148,000,000	-	
<b>3.3</b>	<b>Cải tạo, mở rộng Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương (giai đoạn 2)</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	300,363,000	300,363,000	-	-	300,363,000	-	-	-	
<b>3.4</b>	<b>Trung tâm Sản phụ khoa - Bệnh viện Trung ương Huế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,139,432,000	953,977,000	-	-	953,977,000	-	185,455,000	-	
<b>3.5</b>	<b>Vụ Kế hoạch - Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	427,135,000	427,135,000	-	427,135,000	-	-	-	-	
<b>4</b>	<b>Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán năm 2023; Chuyên đề việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 giai đoạn 2021-2023 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,758,765,236	2,086,818,236	-	2,086,818,236	-	-	1,671,947,000	-	
<b>4.1</b>	<b>Trường Đại học Kinh tế quốc dân</b>									Trường Đại học Kinh tế quốc dân
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,540,000,000	1,008,000,000	-	1,008,000,000	-	-	1,532,000,000	-	
<b>4.2</b>	<b>Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp, thoát nước khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	139,947,000	-	-	-	-	-	139,947,000	-	
<b>4.3</b>	<b>Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	125,000,000	125,000,000	-	125,000,000	-	-	-	-	
<b>4.4</b>	<b>Vụ Kế hoạch - Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	953,818,236	953,818,236	-	953,818,236	-	-	-	-	
<b>V</b>	<b>KTNN chuyên ngành IV</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	77,242,227,293	6,752,427,718	0	0	6,752,427,718	0	70,489,799,575	0	
<b>1</b>	<b>Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1)</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,002,904,275	0	0	0	0	0	7,002,904,275	0	
<b>1.1</b>	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh An Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,002,904,275	0	0	0	0	0	7,002,904,275	0	
<b>1.2</b>	<b>Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,682,247,000	2,127,174,000	0	0	2,127,174,000	0	7,555,073,000	0	
<b>1.3</b>	<b>Dự án Đầu tư xây dựng Bến cảng Liên Chiểu</b>									UBND thành phố Đà Nẵng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,682,247,000	2,127,174,000	0	0	2,127,174,000	0	7,555,073,000	0	
<b>2</b>	<b>Dự án Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1)</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,703,705,864	0	0	0	0	0	12,703,705,864	0	



TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	419,331,071,126	2,020,492,907	0	0	2,020,492,907	4,577,484,438	412,733,093,781	0	
1	<b>Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn)</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	31,320,283,369	1,718,594,979	0	0	1,718,594,979	0	29,601,688,390	0	
1.1	<i>Ban Quản lý Dự án 2</i>									Ban Quản lý Dự án 2
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	31,320,283,369	1,718,594,979	0	0	1,718,594,979	0	29,601,688,390	0	
2	<b>Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ; Dự án xây dựng Bệnh viện Nội tiết Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	637,102,878	8,456,100	0	0	8,456,100	0	628,646,778	0	
2.1	<i>Ban Quản lý dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế</i>									Ban Quản lý dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	637,102,878	8,456,100	0	0	8,456,100	0	628,646,778	0	
3	<b>Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	246,618,000	0	0	0	0	0	246,618,000	0	
3.1	<i>Bệnh Viện Phụ - Sản trung ương</i>									Bệnh Viện Phụ - Sản trung ương
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	246,618,000	0	0	0	0	0	246,618,000	0	
4	<b>Báo cáo Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 tại Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,577,484,438	0	0	0	0	4,577,484,438	0	0	
4.1	<i>Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD4</i>									Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD4
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,622,298,809	0	0	0	0	3,622,298,809	0	0	
4.2	<i>Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD)</i>									Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD)
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	955,185,629	0	0	0	0	955,185,629	0	0	
5	<b>Báo cáo Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cảng Hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	246,055,783,577	0	0	0	0	0	246,055,783,577	0	
5.1	<i>Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần</i>									Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	246,055,783,577	0	0	0	0	0	246,055,783,577	0	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
6	Báo cáo kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thành phần đoạn Chí Thạnh - Vân Phong và đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	136,493,798,864	293,441,828	0	0	293,441,828	0	136,200,357,036	0	
6.1	Ban Quản lý dự án 7									Ban Quản lý dự án 7
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	136,493,798,864	293,441,828	0	0	293,441,828	0	136,200,357,036	0	
VII	KTNN chuyên ngành VI									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	176,881,413	-	-	-	-	154,273,506	22,607,907	-	
1	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	35,243,582	0	0	0	0	35,243,582	0	0	
1.1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam									Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	35,243,582	0	0	0	0	35,243,582	0	0	
2	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	141,637,831	0	0	0	0	119,029,924	22,607,907	0	
2.1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Gas Petrolimex Đà Nẵng									Công ty trách nhiệm hữu hạn Gas Petrolimex Đà Nẵng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	141,637,831	0	0	0	0	119,029,924	22,607,907	0	
VIII	KTNN chuyên ngành VII									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,858,012,677	0	0	0	0	1,757,012,677	101,000,000	0	
1	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	101,000,000	0	0	0	0	0	101,000,000	0	
1.1	Ngân hàng chính sách xã hội									Ngân hàng chính sách xã hội
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	101,000,000	0	0	0	0	0	101,000,000	0	
2	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; Kiểm toán chuyên đề chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,292,628,054	0	0	0	0	1,292,628,054	0	0	
2.1	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam									Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,292,628,054	0	0	0	0	1,292,628,054	0	0	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
3	<b>Báo cáo kiểm toán việc giao dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08/12/2021 của UBTVQH khóa XV</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	464,384,623	0	0	0	0	464,384,623	0	0	
3.1	<b>Bảo hiểm Xã hội Việt Nam</b>								Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	464,384,623	0	0	0	0	464,384,623	0	0	
IX	<b>KTNN khu vực I</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	224,132,169,443	160,786,302,520	203,109,527	27,797,851,131	132,785,341,862	0	63,345,866,923	0	
1	<b>Báo cáo kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023 và các chuyên đề lồng ghép của thành phố Hà Nội</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	220,641,338,542	159,740,830,534	203,109,527	26,752,379,145	132,785,341,862		60,900,508,008		
1	<b>Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 của thành phố Hà Nội</b>									
1.1	<b>UBND huyện Mê Linh</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,006,115,086	2,463,839,929	0	2,135,415,929	328,424,000		3,542,275,157		
1.2	<b>UBND huyện Ứng Hòa</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	36,418,883,019	32,265,626,699	15,701,737	4,282,935,399	27,966,989,563		4,153,256,320		
1.3	<b>UBND quận Ba Đình</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,895,097,996	959,096,691	0	37,044,261	922,052,430		2,936,001,305		
1.5	<b>UBND huyện Chương Mỹ</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,736,829,258	1,122,889,000	0	0	1,122,889,000		4,613,940,258		
1.6	<b>UBND huyện Hoài Đức</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	187,407,790	187,407,790	187,407,790						
1.7	<b>UBND quận Hà Đông</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,819,720,327	285,107,742		0	285,107,742		3,534,612,585		
1.8	<b>UBND quận Hai Bà Trưng</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,066,956,458	0		0	0		1,066,956,458		
1.9	<b>UBND quận Tây Hồ</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,512,955,415	4,981,182,528		0	4,981,182,528		7,531,772,887		
1.10	<b>UBND huyện Phúc Thọ</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	24,732,623,994	19,434,196,616		17,989,140,956	1,445,055,660		5,298,427,378		
1.11	<b>UBND huyện Thanh Oai</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,288,582,593	0		0	0		4,288,582,593		
1.12	<b>UBND huyện Phú Xuyên</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	10,581,648,673	5,530,990,626		550,617,000	4,980,373,626		5,050,658,047		
1.13	<b>UBND quận Cầu Giấy</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	98,447,912,493	91,281,028,022		1,751,577,600	89,529,450,422		7,166,884,471		
1.14	<b>UBND huyện Quốc Oai</b>								Chưa xác định	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,796,115,537	1,126,242,449			1,126,242,449		11,669,873,088		
1.15	<b>Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội</b>								Ban QLDA ĐTXD công trình Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội	
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	144,841,903	97,574,442			97,574,442		47,267,461		
2	<b>Chuyên đề việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi cho người có công (NCC) giai đoạn năm 2021-2023</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,648,000	5,648,000		5,648,000					

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
2.1	<b>Năm 2023: Tổng hợp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (không bao gồm số liệu tại 05 đơn vị kiểm toán chi tiết: Văn phòng Sở và 04 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Đống Đa, huyện Đông Anh, huyện Sóc Sơn và huyện Thanh Trì): Bố trí hoàn trả nguồn NSTW số kinh phí đã quyết toán vượt mức quy định kinh phí hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất vượt mức quy định 4.040.003.631đ; Hủy dự toán kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi 27.897.008.133đ</b>									Sở Nội vụ Hà Nội
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,648,000	5,648,000		5,648,000					
3	<b>Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2021-2023 tại thành phố Hà Nội</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,490,830,901	1,045,471,986		1,045,471,986		2,445,358,915			
3.1	UBND huyện Sóc Sơn									Chưa xác định
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	482,488,034	99,114,107		99,114,107		383,373,927			
3.2	UBND huyện Thanh Trì									Chưa xác định
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,588,812,117	300,177,266		300,177,266		1,288,634,851			
3.3	UBND huyện Mỹ Đức									Chưa xác định
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	986,131,003	646,180,613		646,180,613		339,950,390			
3.4	UBND huyện Ba Vì									Chưa xác định
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	433,399,747	0		-		433,399,747			
4	<b>Kiểm toán Báo cáo quyết toán các dự án, công trình hoàn thành đến hết năm 2023 của Dự án cấp nước cho thành phố Hà Nội từ Nhà máy nước mặt Sông Đà Giai đoạn II: Dự án ĐTXD hệ thống cấp nước chuỗi Đô thị Sơn Tây-Hòa Lạc-Xuân Mai-Miêu Môn-Hà Nội-Hà Đông Giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m3/ngđ (Dự án giai đoạn II); Dự án phát triển mạng lưới truyền tải cấp II, hệ thống cấp nước Sông Đà; Dự án phát triển mạng lưới truyền tải cấp II số 1, hệ thống cấp nước Sông Đà</b>									
4.1	Ủy ban nhân dân huyện Sông Mã									Chưa xác định
X	<b>KTNN khu vực II</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	427,189,394,306	113,013,223,794	1,249,784,345	83,376,200,289	28,387,239,160	4,785,509,728	309,390,660,784	0	
1	<b>Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Thừa Thiên Huế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	50,214,967,000	14,655,283,000	700,000,000	23,700,000	13,931,583,000	0	35,559,684,000	0	
1.1	<b>Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế</b>									Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố Huế
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,327,868,000	620,727,000	0	0	620,727,000	0	8,707,141,000	0	
1.2	<b>Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,189,837,000	112,167,000	0	0	112,167,000	0	1,077,670,000	0	
1.3	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	591,082,000	591,082,000	0	0	591,082,000	0	0	0	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
1.4	<b>Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	303,365,000	303,365,000	0	0	303,365,000	0	0	0	
1.5	<b>Công ty cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	700,000,000	700,000,000	700,000,000	0	0	0	0	0	
1.6	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế</b>									Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,103,991,000	10,757,483,000	0	0	10,757,483,000	0	346,508,000	0	
1.7	<b>Sở Tài chính Thừa Thiên Huế</b>									Sở Tài chính Thành phố Huế
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19,136,012,000	0	0	0	0	0	19,136,012,000	0	
1.8	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường Thừa Thiên Huế</b>									Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Huế
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,449,439,000	1,449,439,000	0	0	1,449,439,000	0	0	0	
1.9	<b>Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	30,701,000	30,701,000	0	0	30,701,000	0	0	0	
1.10	<b>Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thừa Thiên Huế</b>									Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,700,000	23,700,000	0	23,700,000	0	0	0	0	
1.11	<b>Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	560,000,000	0	0	0	0	0	560,000,000	0	
1.12	<b>Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	490,936,000	66,619,000	0	0	66,619,000	0	424,317,000	0	
1.13	<b>Ủy ban nhân dân thành phố Huế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,797,700,000	0	0	0	0	0	2,797,700,000	0	
1.14	<b>Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,510,336,000	0	0	0	0	0	2,510,336,000	0	
2	<b>Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2023 tỉnh Hà Tĩnh và chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023 của tỉnh Hà Tĩnh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	24,636,675,591	0	0	0	0	0	24,636,675,591	0	
2.1	<b>Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh</b>									Kho bạc Nhà nước khu vực XII
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	24,636,675,591	0	0	0	0	0	24,636,675,591	0	
3	<b>Báo cáo kiểm toán NSDP và Báo cáo quyết toán NSDP năm 2023 tỉnh Quảng Bình; chuyên đề Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Quảng Bình</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	184,354,394,353	70,903,522,998	125,329,842	56,322,536,996	14,455,656,160	0	113,450,871,355	0	
3.1	<b>Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Bình</b>									Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	822,586,000	0	0	0	0	0	822,586,000	0	
3.2	<b>Ban Quản lý dự án Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới</b>									Ban Quản lý dự án Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	59,892,857,331	2,501,118,904	0	0	2,501,118,904	0	57,391,738,427	0	
3.3	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>									Ban QLDA ĐTXD ngành Nông nghiệp và Môi trường

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	52,725,000	52,725,000	0	0	52,725,000	0	0	0	
3.4	<b>Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng</b>									Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19,180,000	19,180,000	0	0	19,180,000	0	0	0	
3.5	<b>Công ty Cổ phần Lệ Ninh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	74,855,153	74,855,153	74,855,153	0	0	0	0	0	
3.6	<b>Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	48,613,489	48,613,489	48,613,489	0	0	0	0	0	
3.7	<b>Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình</b>									Kho bạc nhà nước khu vực XII
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	26,848,000,000	0	0	0	0	0	26,848,000,000	0	
3.8	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình</b>									Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,184,244,181	134,813,200	1,861,200	132,952,000	0	0	6,049,430,981	0	
3.9	<b>Sở Tài chính Quảng Bình</b>									Sở Tài chính Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	44,292,071,759	25,355,866,312	0	23,189,733,740	2,166,132,572	0	18,936,205,447	0	
3.10	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình</b>									Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	93,194,957	93,194,957	0	93,194,957	0	0	0	0	
3.11	<b>Sở Văn hóa và Thể thao Quảng Bình</b>									Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	129,897,309	129,897,309	0	0	129,897,309	0	0	0	
3.12	<b>Sở Y tế Quảng Bình</b>									Sở Y tế Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	62,571,653	62,571,653	0	62,571,653	0	0	0	0	
3.13	<b>Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Bình</b>									Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	171,698,000	0	0	0	0	0	171,698,000	0	
3.14	<b>Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Bình</b>									Báo và Phát thanh truyền hình Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	639,111,306	0	0	0	0	0	639,111,306	0	
3.15	<b>Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy</b>									Ủy ban nhân dân xã Lệ Thủy
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,941,800,270	6,897,323,270	0	6,232,961,270	664,362,000	0	44,477,000	0	
3.16	<b>Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch</b>									UBND xã Quảng Trạch
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	21,962,290,033	20,012,064,489	0	16,271,167,573	3,740,896,916	0	1,950,225,544	0	
3.17	<b>Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa</b>									UBND xã Tuyên Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13,778,762,073	13,514,982,408	0	10,339,955,803	3,175,026,605	0	263,779,665	0	
3.18	<b>Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn</b>									UBND Phường Ba Đồn
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,339,935,839	2,006,316,854	0	0	2,006,316,854	0	333,618,985	0	
4	<b>Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 của tỉnh Quảng Trị</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	15,293,584,767	9,994,144,254	0	9,994,144,254	0	0	5,299,440,513	0	
4.1	<b>Cục Thuế Tỉnh Quảng Trị</b>									Thuế tỉnh Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	364,502,250	0	0	0	0	0	364,502,250	0	
4.2	<b>Kho bạc Nhà nước Tỉnh Quảng Trị</b>									Kho bạc Nhà nước khu vực XII

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	123,843,000	0	0	0	0	0	123,843,000	0	
<b>4.3</b>	<b>Sở Tài Chính Quảng Trị</b>									Sở Tài Chính Quảng Trị
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	14,805,239,517	9,994,144,254	0	9,994,144,254	0	0	4,811,095,263	0	
<b>5</b>	<b>Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Nghệ An</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	18,079,324,279	17,035,819,039	0	17,035,819,039	0	0	1,043,505,240	0	
<b>5.1</b>	<b>Cục Hải quan tỉnh Nghệ An</b>									Chi cục Hải quan khu vực XI
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	122,849,480	0	0	0	0	0	122,849,480	0	
<b>5.2</b>	<b>Kho bạc Nhà nước Tỉnh Nghệ An</b>									Kho bạc Nhà nước khu vực XI
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	920,655,760	0	0	0	0	0	920,655,760	0	
<b>5.3</b>	<b>Sở Tài chính Nghệ An</b>									Sở Tài chính Nghệ An
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,035,819,039	17,035,819,039	0	17,035,819,039	0	0	0	0	
<b>6</b>	<b>Báo cáo kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	134,610,448,316	424,454,503	424,454,503	0	0	4,785,509,728	129,400,484,085	0	
<b>6.1</b>	<b>Ban Quản lý Dự án 6</b>									Ban quản lý dự án đường sắt
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	110,740,562,046	0	0	0	0	0	110,740,562,046	0	
<b>6.2</b>	<b>Công ty Cổ phần đầu tư Phúc Thành Hưng</b>									Công ty cổ phần đầu tư Phúc Thành Hưng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,869,886,270	424,454,503	424,454,503	0	0	4,785,509,728	18,659,922,039	0	
<b>XI</b>	<b>KTNN khu vực III</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	32,030,292,399	26,432,670,887	678,582,198	2,981,761,689	22,772,327,000	0	5,597,621,512		
<b>1</b>	<b>Báo cáo kiểm toán BCQT NSDP năm 2023 thành phố Đà Nẵng</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,047,000,000	1,047,000,000		1,047,000,000					
<b>1.1</b>	<b>Sở Tài chính</b>									Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,047,000,000	1,047,000,000		1,047,000,000					
<b>2</b>	<b>Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2023; Chuyên đề Chương trình MTQG Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Quảng Nam</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	29,714,875,949	25,256,052,437	678,582,198	1,805,143,239	22,772,327,000	-	4,458,823,512		
<b>2.1</b>	<b>Cục Thuế tỉnh Quảng Nam</b>									Thuế thành phố Đà Nẵng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	678,582,198	678,582,198	678,582,198						
<b>2.2</b>	<b>Sở Y tế</b>									Sở Y tế thành phố Đà Nẵng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,447,775,742	1,804,815,239	-	1,804,815,239		-	3,642,960,503		
<b>2.3</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>									Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	815,863,009	0	-	-		-	815,863,009		

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
2.4	<b>Huyện Thăng Bình</b>									Chi nhánh khu vực 9 - thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất TP. Đà Nẵng; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Thăng Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	355,841,000	355,841,000		-	355,841,000				
2.5	<b>Huyện Nam Trà My</b>									Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	328,000	328,000		328,000	-				
2.6	<b>Thị xã Điện Bàn</b>									Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Điện Bàn
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	413,542,000	413,542,000		-	413,542,000				
2.7	<b>Thành phố Tam Kỳ</b>									Chi nhánh khu vực 10 - thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất TP. Đà Nẵng; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tam Kỳ
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	277,524,000	277,524,000		-	277,524,000				
2.8	<b>Huyện Bắc Trà My</b>									Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Bắc Trà My
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	77,184,000	77,184,000		-	77,184,000		-		
2.9	<b>Huyện Núi Thành</b>									Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Núi Thành
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	249,689,000	249,689,000		-	249,689,000				
2.10	<b>Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam</b>									Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Quảng Nam
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,872,000	9,872,000			9,872,000				
2.11	<b>Ban QLDA ĐTXD tỉnh Quảng Nam</b>									Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Quảng Nam
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	212,578,000	212,578,000			212,578,000				
2.12	<b>Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam</b>									Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Quảng Nam
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	49,847,000	49,847,000			49,847,000				
2.13	<b>Văn phòng Điều phối NTM tỉnh Quảng Nam</b>									Văn phòng Điều phối NTM thành phố Đà Nẵng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	21,126,250,000	21,126,250,000	-	-	21,126,250,000	-	-		
3	<b>Báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Quảng Ngãi</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	129,618,450	129,618,450		129,618,450			0		
3.1	<b>Phòng Lao động - TB&amp;XH huyện Bình Sơn</b>									Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	126,232,650	126,232,650		126,232,650			0		
3.2	<b>Phòng Lao động - TB&amp;XH huyện Ba Tơ</b>									Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,385,800	3,385,800		3,385,800			0		

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
4	<b>Báo cáo kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí của dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh Kon Tum</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,138,798,000	-	-	-	-	-	1,138,798,000	-	
4.1	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường Kon Tum</b>									Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ngãi
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	919,340,000	-	-	-	-	-	919,340,000	-	
4.2	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Kon Tum</b>									Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	25,740,000	-	-	-	-	-	25,740,000	-	
4.3	<b>Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kon Tum</b>									Báo và phát thanh, truyền hình Quảng Ngãi
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	76,802,000	-	-	-	-	-	76,802,000	-	
4.4	<b>UBND thành phố Kon Tum</b>									UBND phường Kon Tum
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	116,916,000	-	-	-	-	-	116,916,000	-	
XII	<b>KTNN khu vực IV</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	881,260,947,769	111,788,759,787	39,423,678,973	34,445,636,642	37,919,444,172	-	769,472,187,982	-	
1	<b>Dự án Vệ sinh môi trường thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 2)</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	24,537,583,334	-	-	-	-	-	24,537,583,334	-	
1.1	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị</b>									Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	24,537,583,334	-	-	-	-	-	24,537,583,334	-	
2	<b>Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động năm 2023 và việc trích lập, sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp giai đoạn 2019 – 2023 tại các Bệnh viện công lập thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,170,952,331	-	-	-	-	-	2,170,952,331	-	
2.1	<b>Bệnh viện Hùng Vương</b>									Bệnh viện Hùng Vương
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	110,094,599	-	-	-	-	-	110,094,599	-	
2.2	<b>Bệnh viện Từ Dũ</b>									Bệnh viện Từ Dũ
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,060,857,732	-	-	-	-	-	2,060,857,732	-	
3	<b>Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn Cần Thơ - Hậu Giang, Hậu Giang - Cà Mau)</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	130,497,146,688	-	-	-	-	-	130,497,146,688	-	
3.1	<b>Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang</b>									Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	35,495,044,000	-	-	-	-	-	35,495,044,000	-	
3.2	<b>Dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau</b>									Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	95,002,102,688	-	-	-	-	-	95,002,102,688	-	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
4	Báo cáo kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	63,997,981,632	46,302,181,974	33,869,600,777	3,440,833,817	8,991,747,380	-	17,695,799,658	-	
4.1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh									Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,570,646,408	315,979,408	-	-	315,979,408	-	17,254,667,000	-	
4.2	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông Thành phố Hồ Chí Minh									Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông Thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,333,511,722	7,065,580,295	-	-	7,065,580,295	-	267,931,427	-	
4.3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 12									Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	38,310,000	38,310,000	-	38,310,000	-	-	-	-	
4.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Bình Chánh									Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	10,584,000	10,584,000	-	10,584,000	-	-	-	-	
4.5	Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,735,544,032	1,735,544,032	-	1,735,544,032	-	-	-	-	
4.6	Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên									Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	33,515,089,831	33,515,089,831	33,515,089,831	-	-	-	-	-	
4.7	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh									Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,656,395,785	1,656,395,785	-	1,656,395,785	-	-	-	-	
4.8	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,062,941,096	1,062,941,096	354,510,946	-	708,430,150	-	-	-	
4.9	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	338,732,439	338,732,439	-	-	338,732,439	-	-	-	
4.10	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	370,643,747	370,643,747	-	-	370,643,747	-	-	-	
4.11	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	173,201,231	-	-	-	-	-	173,201,231	-	
4.12	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	192,381,341	192,381,341	-	-	192,381,341	-	-	-	
5	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Xây dựng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (cơ sở 2) và Dự án xây dựng Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,920,492,125	1,920,492,125	-	-	1,920,492,125	-	-	-	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
5.1	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh									Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,920,492,125	1,920,492,125	-	-	1,920,492,125	-	-	-	
6	BÁO CÁO KIỂM TOÁN BẢO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 CỦA TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	650,766,630,717	56,195,924,746	-	30,455,950,131	25,739,974,615	-	594,570,705,971	-	
6.1	Sở Tài chính Bà Rịa - Vũng Tàu									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	207,318,503,904	27,686,070,933	-	1,946,096,318	25,739,974,615	-	179,632,432,971	-	
6.2	Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	209,074,052,661	29,779,661	-	29,779,661	-	-	209,044,273,000	-	
6.3	Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,172,000,000	-	-	-	-	-	1,172,000,000	-	
6.4	Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu									Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	233,202,074,152	28,480,074,152	-	28,480,074,152	-	-	204,722,000,000	-	
7	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu 2021-2023; Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản 2021-2023; Chuyên đề việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/10/2017 của BCHTW 2021-2023 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,370,160,942	7,370,160,942	5,554,078,196	548,852,694	1,267,230,052	0	0	0	
XIII	KTNN khu vực V									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,422,295,929	9,177,352,929	0	9,120,977,929	56,375,000	0	244,943,000	0	
3	BCKT chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh An Giang									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,341,291,129	8,341,291,129	0	8,284,916,129	56,375,000	0	0	0	
3.1	Sở Giao thông Vận tải An Giang									Sở Xây dựng
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	56,375,000	56,375,000	0	0	56,375,000	0	0	0	
3.2	Sở Tài chính An Giang									Sở Tài chính An Giang
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,882,919,199	5,882,919,199	0	5,882,919,199	0	0	0	0	
3.3	Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang									Sở Tài nguyên và môi trường
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,845,046,430	1,845,046,430	0	1,845,046,430	0	0	0	0	
3.4	Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú									Ban QLDA tỉnh (Ban QLDA Khu vực III)
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	556,950,500	556,950,500	0	556,950,500	0	0	0	0	
4	BCKT báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh An Giang									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	836,061,800	836,061,800	0	836,061,800	0	0	0	0	
4.1	Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu									Ban QLDA tỉnh (Ban QLDA khu vực III)

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	836,061,800	836,061,800	0	836,061,800	0	0	0	0	
5	<b>Báo cáo kiểm toán Chuyên đề về việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Kiên Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	244,943,000	0	0	0	0	244,943,000	0	0	
5.1	<i>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang</i>									Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	244,943,000	0	0	0	0	244,943,000	0	0	
XIV	<b>KTNN khu vực VI</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	147,002,966,372	1,520,942,383		618,294,383	902,648,000	0	145,482,023,989		
1	<b>Báo cáo Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm; Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Hội nghị - Biểu diễn thành phố và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc Sông Cấm</b>									
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	91,326,676,000	0	0	0	0	91,326,676,000	0	0	
1.1	<i>Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng</i>									Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	91,326,676,000	0			0	91,326,676,000			
2	<b>Báo cáo kiểm toán Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 tại thành phố Hải Phòng</b>									
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	3,321,847,000	902,648,000			902,648,000		2,419,199,000		
2.1	<i>UBND quận Đồ Sơn</i>									
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	1,901,485,000	902,648,000			902,648,000		998,837,000		
2.2	<i>UBND quận Hồng Bàng</i>									
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	1,420,362,000						1,420,362,000		
3	<b>Báo cáo kiểm toán BCQT ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Hải Dương</b>									
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	222,749,000	0		0			222,749,000		
3.1	<i>Kho bạc nhà nước Hải Dương</i>									Kho bạc nhà nước khu vực III
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	222,749,000						222,749,000		
4	<b>Báo cáo kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Quảng Ninh</b>									
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	39,767,060,241	618,294,383		618,294,383	0		39,148,765,858		
4.1	<i>Thành phố Hạ Long - kiến nghị khác là trích lập bổ sung nguồn thực hiện CCTL</i>									
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	618,294,383	618,294,383		618,294,383			0		
4.2	<i>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long</i>									Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng khu vực I tỉnh Quảng Ninh
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	39,148,765,858	0			0		39,148,765,858		

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
5	<b>Báo cáo kiểm toán kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp, nguy hiểm trên địa bàn thành phố - Công trình Goldenland 5, xây dựng khu chung cư HH1, HH2 Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền</b>									
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	12,364,634,131	0			0		12,364,634,131		
5.1	<b>Sở Xây dựng (kiến nghị khác)</b>									Sở Xây dựng
	Số chưa thực hiện (7)=(1-2+3-6)	12,364,634,131						12,364,634,131		
XV	<b>KTNN khu vực VII</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	32,483,351,584	7,661,255,830	1,639,543,699	4,652,195,700	1,369,516,431	0	24,822,095,754	0	
1	<b>Báo cáo kiểm toán Chương trình MTQG nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Lai Châu</b>									UBND tỉnh Lai Châu
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	295,488,794	139,697,535	0	0	139,697,535	0	155,791,259	0	
1.1	<b>Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	168,700,227	19,674,633	0	0	19,674,633	0	149,025,594	0	
1.2	<b>Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13,346,000	13,346,000	0	0	13,346,000	0	0	0	
1.3	<b>Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	112,619,567	105,853,902	0	0	105,853,902	0	6,765,665	0	
1.4	<b>Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	823,000	823,000	0	0	823,000	0	0	0	
2	<b>Kiểm toán NSDP năm 2023 của tỉnh Điện Biên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2023 tại tỉnh Điện Biên.</b>									UBND tỉnh Điện Biên
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	616,677,571	616,677,817	0	0	616,677,817	0	(246)	0	
2.1	<b>Ban Quản lý dự án các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	(1)	(1)	0	0	(1)	0	0	0	
2.2	<b>Sở Giao thông Vận tải Điện Biên</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	(246)	0	0	0	0	0	(246)	0	
2.3	<b>Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Đông</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,570,815	12,570,815	0	0	12,570,815	0	0	0	
2.4	<b>Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	604,107,003	604,107,003	0	0	604,107,003	0	0	0	
3	<b>Kiểm toán chuyên đề Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Yên Bái; Kiểm toán chuyên đề Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Yên Bái</b>									UBND tỉnh Lào Cai
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,931,445,820	613,141,079	0	0	613,141,079	0	1,318,304,741	0	
3.1	<b>Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	274,680,000	0	0	0	0	0	274,680,000	0	
3.2	<b>Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	343,871,965	343,871,965	0	0	343,871,965	0	0	0	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN			Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN				
3.3	<b>Ủy ban nhân dân huyện Trầm Thủy</b>								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	703,708,845	67,586,845	0	0	67,119,845	0	636,122,000	0
3.4	<b>Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên</b>								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	72,690,218	72,690,218	0	0	0	0	0	0
3.5	<b>Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình</b>								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	609,652,010	202,149,269	0	0	202,149,269	0	407,502,741	0
3.6	<b>Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ</b>								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	66,367,982	66,367,982	0	0	0	0	0	0
4	<b>Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Phú Thọ; Kiểm toán chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ</b>								UBND tỉnh Phú Thọ
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,291,739,399	6,291,739,399	1,639,543,699	4,652,195,700	0	0	0	0
4.1	<b>Ban Quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ</b>								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,291,739,399	6,291,739,399	1,639,543,699	4,652,195,700	0	0	0	0
5	<b>Báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Vĩnh Phúc</b>								UBND tỉnh Phú Thọ
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,348,000,000	0	0	0	0	23,348,000,000	0	0
5.1	<b>Sở Tài chính Vĩnh Phúc</b>								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,348,000,000	0	0	0	0	23,348,000,000	0	0
XVI	<b>KTNN khu vực VIII</b>								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	130,795,032,461	35,574,886,258	12,465,387,650	21,517,446,297	1,592,052,311	0	95,220,146,203	0
1	<b>BCQT NSDP năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk</b>								
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	55,000,000	55,000,000	0	55,000,000	0	0	0	0
2	<b>NSDP năm 2023 của tỉnh Phú Yên</b>								
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	501,832,000	501,832,000	0	110,465,000	391,367,000	0	0	0
2.1	<b>Sở Tài chính tỉnh Phú Yên</b>								Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	110,465,000	110,465,000	0	110,465,000	0	0	0	0
2.2	<b>Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên</b>								Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	391,367,000	391,367,000	0	0	391,367,000	0	0	0
3	<b>Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Gia Lai</b>								
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	16,691,799,000	16,691,799,000	0	16,691,799,000	0	0	0	0
4	<b>Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí của dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh Gia Lai và chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí ưu đãi người có công, giai đoạn 2021-2023 của tỉnh Gia Lai</b>								
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	1,281,403,000	1,281,403,000	0	1,281,403,000	0	0	0	0
4.1	<b>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</b>								Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	1,281,403,000	1,281,403,000	0	1,281,403,000	0	0	0	0

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
5	<b>Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Bình Định; Kiểm toán chuyên đề Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Bình Định; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Bình Định</b>									
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	84,424,224,020	13,012,077,817	12,465,387,650	318,840,167	227,850,000	0	71,412,146,203	0	
5.1	<b>Sở Tài chính</b>									Sở Tài chính tỉnh Gia Lai
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	26,154,981,285	0	0	0	0		26,154,981,285	0	
5.2	<b>Sở Tài chính (Kế hoạch - Đầu tư)</b>									Sở Tài chính tỉnh Gia Lai
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	38,781,600,000	0	0	0	0		38,781,600,000	0	
5.3	<b>Thành phố Quy Nhơn</b>									Sở Tài chính tỉnh Gia Lai
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	3,977,648,700	3,977,648,700	3,977,648,700	0	0		0	0	
5.4	<b>Thị xã An Nhơn</b>									Sở Tài chính tỉnh Gia Lai
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	2,868,132,950	2,685,172,950	2,597,779,950	0	87,393,000	0	182,960,000	0	
5.5	<b>Thị xã Hoài Nhơn</b>									Sở Tài chính tỉnh Gia Lai
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	12,010,404,918	5,889,959,000	5,889,959,000	0	0	0	6,120,445,918	0	
5.6	<b>Huyện Tuy Phước</b>									Sở Tài chính tỉnh Gia Lai
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	459,297,167	459,297,167	0	318,840,167	140,457,000	0	0	0	
5.7	<b>Ban Khu kinh tế Bình Định</b>									Ban Khu kinh tế tỉnh Gia Lai
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	172,159,000	0	0	0	0		172,159,000	0	
6	<b>Báo cáo quyết toán NSDP năm 2023 của tỉnh Khánh Hòa</b>									
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	26,647,105,332	2,839,105,332	0	2,839,105,332	0	0	23,808,000,000	0	
6.1	<b>Sở Tài chính</b>									Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	2,839,105,332	2,839,105,332	0	2,839,105,332	0	0	0	0	
6.2	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>									Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	23,808,000,000	0	0	0	0	0	23,808,000,000	0	
7	<b>Ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Ninh Thuận</b>									
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	972,835,311	972,835,311	0	0	972,835,311	0	0	0	
7.1	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Ninh Thuận</b>									Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	493,403,403	493,403,403	0	0	493,403,403	0	0	0	
7.2	<b>Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam</b>									Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	479,431,908	479,431,908	0	0	479,431,908	0	0	0	
8	<b>Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023; Chuyên đề công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hoạt động giai đoạn 2021-2023 của các cơ sở y tế công lập tại tỉnh Khánh Hòa</b>									
	(7) Số chưa thực hiện (=1-2+3-6)	220,833,798	220,833,798	0	220,833,798	0	0	0	0	
8.1	<b>Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa</b>									Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa





TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	357,660,000	357,660,000		20,351,000	337,309,000				- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1: 352.742.000đ - Xã Thường Phước: 27.191.918.000 đồng
<b>2.6</b>	<b>Sở Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16,539,000	16,539,000		16,539,000	-		-		Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
<b>2.7</b>	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đồng Tháp</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	893,950,000	893,950,000			893,950,000				Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp
<b>2.8</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	114,994,000	114,994,000			114,994,000				
<b>3</b>	<b>BCKT báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 các tỉnh Tiền Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,344,513,990	4,365,005,000		4,365,005,000	-		3,979,508,990		Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
<b>3.1</b>	<b>Sở Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,344,513,990	4,365,005,000		4,365,005,000	-		3,979,508,990		Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
<b>4</b>	<b>BCKT báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 các tỉnh Đồng Tháp</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	15,317,200,860	-		-			15,317,200,860		Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
<b>4.1</b>	<b>Sở Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	15,317,200,860	-		-			15,317,200,860		Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
<b>5</b>	<b>BCKT chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu Xổ số kiến thiết giai đoạn 2021-2023 của tỉnh Tiền Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,387,190,958	1,387,190,958			1,387,190,958		-		Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp: 546.568.958đ; Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp: 840.622.000đ
<b>5.1</b>	<b>Sở Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	546,568,958	546,568,958			546,568,958				Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
<b>5.2</b>	<b>Sở Y tế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	840,622,000	840,622,000			840,622,000				Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp
<b>6</b>	<b>BCKT chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Đồng Tháp</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,601,196,617	2,601,196,617		-	2,601,196,617				Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp
<b>6.1</b>	<b>Sở Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,601,196,617	2,601,196,617		-	2,601,196,617				Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
7	<b>BCKT ngân sách địa phương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Long An</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	21,186,605,630	18,672,653,242	16,309,910	15,027,330,421	3,629,012,911		2,513,952,388		
7.1	<b>Sở Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,783,173,360	1,783,173,360	-	1,783,173,360			-		
7.2	<b>Sở Công thương</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16,309,910	16,309,910	16,309,910	-			-		
7.3	<b>Sở Giao thông vận tải</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	683,834,079	-	-	-			683,834,079		
7.4	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,782,767,289	11,932,729,034	-	11,932,729,034			850,038,255		
7.5	<b>Huyện Đức Hòa</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	802,281,032	192,781,032	-	-	192,781,032		609,500,000		
7.6	<b>Huyện Mộc Hóa</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,145,353,000	2,145,353,000		-	2,145,353,000				
7.7	<b>Huyện Thủ Thừa</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	503,011,000	503,011,000		-	503,011,000		-		
7.8	<b>Huyện Tân Thạnh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,469,875,960	2,099,295,906		1,311,428,027	787,867,879		370,580,054		
7.9	<b>Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Tây Ninh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,736,127,000	-		-	-		9,736,127,000		
XVIII	<b>KTNN khu vực X</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	287,751,823,530	32,314,465,534	49,500,000	25,730,539,464	6,534,426,070	-	255,437,357,996	-	
1	<b>Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28,030,850,540	25,000,420,264	-	23,677,713,264	1,322,707,000	-	3,030,430,276	-	
1.1	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	646,572,000	646,572,000	-	-	646,572,000	-	-	-	
1.2	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,317,042,311	444,444,000	-	-	444,444,000	-	872,598,311	-	
1.3	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,900,000	8,900,000	-	8,900,000	-	-	-	-	
1.4	<b>Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	151,016,768	-	-	-	-	-	151,016,768	-	
1.5	<b>Ủy ban nhân dân huyện Na Rì</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	237,770,000	231,691,000	-		231,691,000	-	6,079,000	-	
1.6	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,000,736,197	-	-	-	-	-	2,000,736,197	-	
1.7	<b>Sở Tài chính Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,668,813,264	23,668,813,264	-	23,668,813,264		-	-	-	
2	<b>Báo cáo kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	49,500,000	49,500,000	49,500,000	-	-	-	-	-	
2.1	<b>Cục Thuế Tỉnh Bắc Kạn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	49,500,000	49,500,000	49,500,000	-	-	-	-	-	
3	<b>Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Cao Bằng</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	395,333,000	395,333,000	-	-	395,333,000	-	-	-	
3.1	<b>Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	395,333,000	395,333,000	-		395,333,000	-	-	-	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
<b>4</b>	<b>Báo cáo kiểm toán Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Hà Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	66,308,876,403	646,682,756	-	-	646,682,756	-	65,662,193,647	-	
<b>4.1</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Su Phì</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	952,058,263	133,788,263	-	-	133,788,263	-	818,270,000	-	
<b>4.2</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,435,624,787	110,195,346	-	-	110,195,346	-	2,325,429,441	-	
<b>4.4</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,634,621,746	54,667,571	-	-	54,667,571	-	1,579,954,175	-	
<b>4.5</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	767,751,200	-	-	-	-	-	767,751,200	-	
<b>4.6</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Yên Minh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	14,764,884,736	-	-	-	-	-	14,764,884,736	-	
<b>4.7</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Đông Văn</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	180,654,000	3,004,000	-	-	3,004,000	-	177,650,000	-	
<b>4.8</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Mèo Vạc</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,854,485	5,324,000	-	-	5,324,000	-	3,530,485	-	
<b>4.9</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	531,772,628	-	-	-	-	-	531,772,628	-	
<b>4.10</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Bắc Mê</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	551,654,557	339,703,576	-	-	339,703,576	-	211,950,981	-	
<b>4.11</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	44,481,000,001	-	-	-	-	-	44,481,000,001	-	
<b>5</b>	<b>Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Tuyên Quang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13,951,053,000	-	-	-	-	-	13,951,053,000	-	
<b>5.1</b>	<b>Sở Tài chính Tuyên Quang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13,951,053,000	-	-	-	-	-	13,951,053,000	-	
<b>6</b>	<b>Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Bắc Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	179,016,210,587	6,222,529,514	-	2,052,826,200	4,169,703,314	-	172,793,681,073	-	
<b>6.1</b>	<b>Sở Tài chính</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,922,549,522	-	-	-	-	-	3,922,549,522	-	
<b>6.2</b>	<b>Thành phố Bắc Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,325,982,200	1,325,982,200	-	1,325,982,200	-	-	-	-	
<b>6.3</b>	<b>Thị xã Việt Yên</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	726,844,000	726,844,000	-	726,844,000	-	-	-	-	
<b>6.4</b>	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	15,334,000	-	-	-	-	-	15,334,000	-	
<b>6.5</b>	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	453,071,506	191,395,506	-	-	191,395,506	-	261,676,000	-	
<b>6.6</b>	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,832,260,000	380,134,000	-	-	380,134,000	-	17,452,126,000	-	
<b>6.7</b>	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,288,102,359	1,478,729,808	-	-	1,478,729,808	-	809,372,551	-	
<b>6.8</b>	<b>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bắc Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,044,617,000	711,994,000	-	-	711,994,000	-	332,623,000	-	
<b>6.9</b>	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Bắc Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,407,450,000	1,407,450,000	-	-	1,407,450,000	-	-	-	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
<b>6.10</b>	<b>UBND tỉnh Bắc Giang</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	150,000,000,000	-					150,000,000,000		
<b>XIX</b>	<b>KTNN khu vực XI</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	176,925,488,325	38,572,134,954	160,487,250	22,594,946,216	15,816,701,488	-	138,353,353,371	-	
<b>1</b>	<b>Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2023 và các chuyên đề lồng ghép của tỉnh Thái Bình</b>									UBND tỉnh Hưng Yên
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	305,909,000	-	-	-	-	-	305,909,000	-	
<b>1.1</b>	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Bình</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	305,909,000	-					305,909,000		
<b>2</b>	<b>Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc điều tiết, quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư phát triển kinh tế xã hội năm 2023 theo nghị quyết Hội đồng nhân dân của tỉnh Thanh Hóa và Chuyên đề việc quản lý và cho thuê đất công ích giai đoạn 2022-2023 tỉnh Thanh Hóa</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,578,391,014	21,711,473,014	160,487,250	21,166,735,764	384,250,000	-	1,866,918,000	-	
<b>2.1</b>	<b>Thị xã Nghi Sơn</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	160,487,250	160,487,250	160,487,250						
<b>2.1</b>	<b>Huyện Quan Hóa</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	93,865,880	93,865,880		93,865,880					
<b>2.2</b>	<b>Huyện Bá Thước</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	177,126,000	177,126,000		177,126,000					
<b>2.3</b>	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	433,358,500	433,358,500		433,358,500					
<b>2.5</b>	<b>Huyện Thạch Thành</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,603,763,000	4,603,763,000		4,603,763,000					
<b>2.8</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,674,334,412	2,674,334,412		2,674,334,412					
<b>2.10</b>	<b>Huyện Ngọc Lặc</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	78,495,003	78,495,003		78,495,003					
<b>2.11</b>	<b>Huyện Quảng Xương</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,479,787,400	3,479,787,400		3,479,787,400					
<b>2.13</b>	<b>Huyện Thọ Xuân</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	773,872,369	773,872,369		773,872,369					
<b>2.15</b>	<b>Thị xã Nghi Sơn</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,897,672,200	1,897,672,200		1,897,672,200					
<b>2.16</b>	<b>Huyện Đông Sơn</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,670,961,000	1,670,961,000		1,670,961,000					
<b>2.17</b>	<b>Huyện Nga Sơn</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,443,041,000	1,443,041,000		1,443,041,000					
<b>2.18</b>	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,840,459,000	3,840,459,000		3,840,459,000					

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
3.2	<b>Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Sơn</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	384,250,000	384,250,000			384,250,000				
5.5	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	825,055,000	-				825,055,000			
5.6	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,464,000	-				3,464,000			
5.7	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,683,000	-				6,683,000			
5.8	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19,944,000	-				19,944,000			
5.10	<b>Thành phố Thanh Hóa</b>									UBND tỉnh Thanh Hóa
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,011,772,000	-				1,011,772,000			
3	<b>Báo cáo kiểm toán NSDP, BCQT NSDP năm 2023 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023 tỉnh Nam Định</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,948,565,004	535,003,059	-	-	535,003,059	-	17,413,561,945	-	
3.3	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng TP Nam Định</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	535,003,059	535,003,059			535,003,059				
5	<b>Kiến nghị khác</b>									
5.1	<b>Sở Tài chính</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16,161,786,780	-				16,161,786,780			
5.2	<b>Thành phố Nam Định</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	994,303,165	-				994,303,165			
5.8	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng TP Nam Định</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	257,472,000	-				257,472,000			
6	<b>Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Hà Nam</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	135,092,623,307	16,325,658,881	-	1,428,210,452	14,897,448,429	-	118,766,964,426	-	
6.1	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Hà Nam</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,299,034,018	2,183,590,718		-	2,183,590,718		2,115,443,300		
6.2	<b>Ban Quản lý khu Đại học Nam Cao</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,113,732,195	1,113,732,195		-	1,113,732,195		-		
6.3	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	243,257,285	-	-	-	-		243,257,285		
6.4	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nam</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,477,965,831	790,452,831	-	-	790,452,831		687,513,000		
6.5	<b>Sở Xây dựng Hà Nam</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	173,660,276	-	-	-	-		173,660,276		
6.6	<b>Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục</b>									UBND tỉnh Ninh Bình
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,916,324,075	5,297,509,000	-	-	5,297,509,000		1,618,815,075		



TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,757,846,091	1,127,796,109	0	0	1,127,796,109	0	2,630,049,982	0	
3.3	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,697,148,016	153,696,086	0	0	153,696,086	0	3,543,451,930	0	
3.4	<b>Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Thuận</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,290,811,463	1,290,811,463	1,290,811,463	0	0	0	0	0	
3.5	<b>Sở Giao thông Vận tải Bình Thuận</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,701,055,647	1,475,806,329	0	1,475,806,329	0	0	1,225,249,318	0	
3.6	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,937,331,985	6,937,331,985	0	6,937,331,985	0	0	0	0	
3.7	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bình Thuận</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,234,579,084	455,128,164	0	455,128,164	0	0	1,779,450,920	0	
3.8	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,662,976,005	2,602,449,768	0	2,602,449,768	0	0	60,526,237	0	
3.9	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bình Thuận</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	656,753,000	656,753,000	0	656,753,000	0	0	0	0	
3.10	<b>Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	442,376,018	403,339,086	0	0	403,339,086	0	39,036,932	0	
3.11	<b>Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,425,446,074	10,890,801,903	0	9,837,691,721	1,053,110,182	0	534,644,171	0	
3.12	<b>Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,785,261,744	11,472,777,907	0	11,157,982,907	314,795,000	0	312,483,837	0	
3.13	<b>Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,889,165,427	1,889,165,427	0	0	1,889,165,427	0	0	0	
3.14	<b>Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,468,459,946	2,790,335,920	1,875,701,998	8,870,000	905,763,922	0	2,678,124,026	0	
3.15	<b>Ủy ban nhân dân thị xã La Gi</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,983,558,223	7,899,475,088	0	7,464,969,143	434,505,945	0	1,084,083,135	0	
4	<b>Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2023 của tỉnh Bình Phước</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	96,486,960,851	7,127,276,850	4,183,434,736	146,195,114	2,797,647,000	-	89,359,684,001	-	
4.1	<b>UBND tỉnh Bình Phước</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	86,179,781,301	-	-	-	-	-	86,179,781,301	-	
4.2	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	78,460,000	78,460,000	-	78,460,000	-	-	-	-	
4.3	<b>Sở Giao thông vận tải</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	21,735,114	21,735,114	-	21,735,114	-	-	-	-	
4.4	<b>Huyện Bù Đốp</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	46,000,000	46,000,000	-	46,000,000	-	-	-	-	
4.5	<b>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,797,647,000	2,797,647,000	-	-	2,797,647,000	-	-	-	
4.6	<b>Văn phòng Cục thuế</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,183,434,736	4,183,434,736	4,183,434,736	-	-	-	-	-	
4.7	<b>Doanh nghiệp nhà nước</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,179,902,700	-	-	-	-	-	3,179,902,700	-	
5	<b>Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2023 tại Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	468,081,266	0	0	0	0	468,081,266	0	0	
5.1	<b>Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	407,081,266	0	0	0	0	407,081,266	0	0	

TT	Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ	Đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán hiện nay
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN				
5.2	<b>Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	61,000,000	0	0	0	0	61,000,000	0	0	
<b>6</b>	<b>Báo cáo QT NSDP năm 2023 của tỉnh Đồng Nai và các chuyên đề lồng ghép</b>									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	246,239,867,018	245,889,867,018	245,471,800,862	418,066,156			350,000,000		
6.1	Sở Tài nguyên và Môi trường									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	245,413,051,412	245,413,051,412	245,413,051,412						
6.2	Cục thuế									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	58,749,450	58,749,450	58,749,450						
6.3	Sở Tài chính Đồng Nai									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	379,224,600	29,224,600		29,224,600		350,000,000			
6.4	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	350,000,000	-				350,000,000			
6.5	Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch									
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	388,841,556	388,841,556		388,841,556					